

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH 8 TUẦN 24 TỪ 22/2 ĐẾN 27/2/2021

A/.UNIT 11- Language Focus

- -ed and -ing participles
- Requests with - Would/Do you mind if ... ?
 - Would/Do you mind + V-ing?

Bài 4

4. Work with a partner. Look at the pictures. Ask questions and give suitable responses. The information on page 100 may help you.

(Hãy làm việc cùng bạn bên cạnh, nhìn tranh rồi hỏi và đáp. Thông tin ở trang 100 có thể giúp em.)



a) Request: Do you mind if I sit down?

Response: Please do.

b) Request: Would you mind if I smoked?

Response: I'd rather you didn't.

Lời giải chi tiết:

Hướng dẫn giải:

a) Request: Do you mind if I sit down?

Response: Please do.

b) Request: Would you mind if I smoked?

Response: I'd prefer you didn't.

c) Request: Do you mind if I postpone our meeting?

Response: Not at all.

d) Request: Do you mind if turn off the stereo?

Response: I'd rather you didn't.

e) Request: Would you mind if I turned on the air conditioner?

Response: Please do.

f) Request: Do you mind if I eat lunch while watching TV?

Response: No, of course not.

Tạm dịch:

a) Yêu cầu: Bạn có phiền không nếu tôi ngồi xuống?

Trả lời: Bạn ngồi đi.

b) Yêu cầu: Bạn có phiền không nếu tôi hút thuốc?

Trả lời: Tôi nghĩ là bạn không nên hút.

c) Yêu cầu: Bạn có phiền không nếu tôi hoãn cuộc hẹn của chúng ta?

Phản hồi: Không sao.

d) Yêu cầu: Bạn có phiền không nếu tắt loa?

Trả lời: Tôi nghĩ là bạn không nên tắt.

e) Yêu cầu: Bạn có phiền nếu tôi bật máy điều hòa không khí?

Trả lời: Bạn cứ bật đi.

f) Yêu cầu: Bạn có phiền không nếu tôi ăn trưa trong khi xem TV?

Trả lời: Không, tất nhiên là không.

Loigaihay.com

Bài 1

1. Look at the people in the schoolyard at Quang Trung School. Say who **each person is**.

(Em hãy nhìn mọi người trong sân trường Quang Trung rồi nói xem người đó là ai.)



The boy reading a book is Ba.

Lời giải chi tiết:

Hướng dẫn giải:

The boy reading the book is Ba.

The man walking up the stairs is Mr. Quang.

The woman carrying a bag is Miss Lien.

The boy standing next to Miss Lien is Nam.

The girl standing by the table is Lan.

The girls playing cards are Nga on the left and Hoa on the right.

Tạm dịch:

Cậu bé đọc cuốn sách là Ba.

Người đàn ông bước lên cầu thang là thầy Quang.

Người phụ nữ mang theo một chiếc túi là cô Liên.

Cậu bé đứng cạnh cô Liên là Nam.

Cô gái đứng cạnh cái bàn là Lan.

Các cô gái chơi cờ là Nga ở bên trái và Hoa bên tay phải.

Bài 2

2. Look at this stall. Describe the goods for sale. Use the past participles of the verbs in the box.

(Em hãy nhìn quầy hàng và mô tả hàng hoá được bày bán. Sử dụng phân từ quá khứ của động từ trong khung.)

wrap in
recycle from

paint
dress in

make in
keep in



The old lamp made in China is five dollars.

Lời giải chi tiết:

Hướng dẫn giải:

The old lamp made in China is five dollars.

The green painted box is one dollar.

The truck made from recycled aluminum cans is two dollars.

The doll dressed in red is two dollars.

The flowers wrapped in blue paper is one dollar.

The toy kept in a cardboard box are ten dollars.

Tạm dịch:

Chiếc đèn cũ được sản xuất tại Trung Quốc có giá năm đô la.

Chiếc hộp sơn màu xanh lá cây có giá một đô la.

Chiếc xe tải được làm từ lon nhôm tái chế có giá hai đô la.

Con búp bê mặc váy màu đỏ có giá hai đô la.

Những bông hoa bọc trong giấy màu xanh có giá một đô la.

Các đồ chơi được giữ trong một hộp các tông có giá mười đô la.

Bài 3

3. Work with a partner. Use these words to make and respond to requests. A check (S) means agree to the request a cross (X) means do not agree to the request.

(Hãy làm việc cùng bạn bên cạnh, sử dụng những từ này để yêu cầu và đáp lại lời yêu cầu. Dấu (S) có nghĩa là đồng ý, còn dấu (X) có nghĩa là không đồng ý với lời yêu cầu.)

a) move / car / S

c) get / coffee X



Would you mind moving your car?



No, of course not.

d) wait / moment X

Lời giải chi tiết:

Hướng dẫn giải:

a) Would you mind moving your car?

=> No, of course not.

b) Would you mind putting out your cigarette?

=> No, of course not.

c) Would you mind getting me some coffee?

=> I'm sorry, I'm too busy right now.

d) Would you mind waiting a moment?

=> I'm sorry, I can't. I'm already late for work.

Tạm dịch:

a) Anh có phiền khi di chuyển xe của mình không?

=> Không, tất nhiên là không.

b) Anh có phiền khi ngừng hút thuốc không?

=> Không, tất nhiên là không.

c) Anh có phiền lấy giúp tôi một tách cà phê?

=> Tôi xin lỗi, tôi hiện đang bận.

d) Anh có phiền đợi tôi một chút?

=> Tôi xin lỗi, tôi không thể. Tôi đã đi làm muộn rồi.

B/ EXERCISES:

* học sinh lưu ý: bài tập I ở mỗi phần dành cho học sinh giỏi.

Phần I. Trắc nghiệm tiếng Anh unit 11 lớp 8 có đáp án

I. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

1. a. canoe b. water c. sugar d. island
2. a. resort b. hotel c. except d. rescue
3. a. sight b. tribe c. seaside d. magnificent
4. a. railway b. daily c. airport d. train
5. a. island b. florist c. stream d. sight

II. Choose the word or phrase that best completes each unfinished sentence below or substitutes for the underlined word or phrase.

6. The flight _____ at 6.10 has been delayed.
a. leave b. leaves c. leaving d. left
7. This is the first time she _____ rice paddies.
a. will see b. sees c. has seen d. saw
8. Would you mind _____ I borrowed your dictionary?
a. if b. when c. that d. Ø
9. We _____ lots of photos on vacation.
a. had b. took c. did d. made
10. The animal _____ in the forest fire was a wild pig.
a. hurt b. hurted c. hurts d. hurting
11. Would you mind _____ the window?
a. to close b. closing c. about closing d. closed

12. Welcome _____ Springfield!

a. at b. to c. in d. for

13. Accommodation in London — very expensive.

a. is b. are c. has d. have

14. The road _____ down to the sea is very rough.

a. goes b. going c. to go d. gone

15. _____ is a large hole in the side of a mountain or under the ground.

a. Waterfall b. Cave c. Bay d. Lake

III. Choose the words or phrases that are not correct in Standard English.

16. Since this is (A) the first time you own (B) a computer, do you mind (C) if I give (D) you some advice?

17. Da Lat is (A) known like (B) a city of (C) pines, waterfalls and (D) flowers.

18. There are (A) notices showing (B) arrivals and departs (C) of (D) trains.

19. They would (A) like you telling (B) them (C) the (D) truth.

20. It was (A) so exciting (B) to see (C) those magnificently (D) caves.

IV. Choose the word (a, b, c, or d) that best fits each of the blank spaces.

I have always wanted (21) _____ fishing. On the last day of my vacation, I went fishing on a beautiful lake. (22) _____, I didn't catch any fish, and I got (23) _____. I decided (24) _____ swimming. When I stood up, (25) _____ wallet fell out of my pocket, and into the water. It had all my money, my passport, my plane tickets - everything. I jumped into the lake to look (26) _____ it, but I didn't find anything. I have never had such a terrible experience.

wallet (n) cái ví pocket (n) túi (quần áo, v.v.)

21. a. go b. to go c. going d. to going

22. a. Unfortunately b. Luckily c. Certainly d. Daily

23. a. bore b. bored c. boring d. boringly

24. a. go b. going c. to go d. to going

25. a. me b. my c. mine d. myself

26. a. at b. after c. for d. in

V. Read the following passage and choose the item (a, b, c, or d) that best answers each of the questions about it.

Dalat is the capital of Lam Dong province in Vietnam. Its name derives from the language of the local ethnic group Lat and its meaning is 'Stream of the Lat'. In Vietnam, Dalat is a popular tourist destination. It is famous for its temperate climate, beautiful sights such as waterfalls and lakes. It is also famous for vegetables and flowers such as orchids and roses. There is a wine-making industry, too.

The average temperature is 17°C, and does not rise above 19°C in the hottest season. Its temperate climate is ideal for agricultural production.

derive (v) xuất phát ideal (adj) lý tưởng wine (n) rượu vang

27. Where is Dalat?

a. In Lam Dong b. In Vietnam c. In Asia d. all are correct

28. What does the word 'its' in line 2 refer to?

a. capital b. province c. name d. local ethnic group

29. What does the word 'popular' in line 3 mean?

a. liked by a lot of people b. not special or unusual

c. very old d. of the present time

30. Dalat is famous for _____.

a. its temperate climate b. beautiful

c. vegetables and flowers d. all are correct

31. Dalat's temperature

a. is rather high b. beautiful sights

c. sometimes is 20°C d. never rises above 100

Phần II. Test for Unit 11 English 8 with key

I. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

1. a. <u>c</u> ane	b. <u>c</u> ave	c. <u>g</u> arden	d. vaca <u>t</u> ion
2. a. <u>s</u> ite	b. <u>c</u> ity	c. <u>l</u> imestone	d. <u>f</u> ind
3. a. air <u>p</u> ort	b. off <u>sh</u> ore	c. <u>c</u> orn	d. <u>f</u> ront
4. a. <u>g</u> reat	b. <u>s</u> tream	c. <u>s</u> easide	d. <u>b</u> each
5. a. magnifi <u>c</u> ent	b. exc <u>i</u> ting	c. <u>p</u> rice	d. oceanic <u>c</u>

II. Choose the word or phrase that best completes each unfinished sentence below or substitutes for the underlined word or phrase.

6. before _____ for work, I ate breakfast.

- a. leave
- b. leaving
- c. to leave
- d. left

7. Would you mind if I _____ the phone?

- a. use
- b. will use
- c. am going to use
- d. used

8. _____ is a stream or river that falls from a height.

- a. Lake
- b. Waterfall
- c. Bay
- d. Island

9. _____ you mind finishing the work yourself?

- a. Will
- b. Do
- c. Can
- d. Should

10. We paddle the _____ slowly upstream.

- a. ship
- b. canoe
- c. bus
- d. train

11. I couldn't find a guide-book _____ in English.

- a. write
- b. writes
- c. writing
- d. written

12. We finally arrived, at our _____ late that evening.

- a. destination
- b. arrival
- c. departure
- d. journey

13. Donna works in a shop that sells flowers and plants; she's a _____

- a. baker
- b. farmer
- c. gardener
- d. florist

14. Would you like me _____ now?

- a. go
- b. to go
- c. going
- d. to going

15. Britain _____ oranges from Spain.

- a. imports
- b. exports
- c. sell
- d. has

III. Choose the words or phrases that are not correct in Standard English.

16. A flower growing in (A) the garden (B) is more (C) beautiful than a flower stood (D) in a vase.

17. Do (A) you mind take (B) the (B) book back to the library for me (D)?

18. I (A) asked Sara drive (B) me (C) to the (D) station.

19. She usually (A) helps old (B) people by (C) their shopping (D) and cleaning.

20. They decided paddling (A) around (B) the (C) lake in (D) a canoe.

Còn tiếp trong file tải.

Phần III. Bài tập Unit 11 lớp 8

I. Choose the word whose main stress is placed differently from the others.

1. a. airport	b. paddle	c. rescue	d. around
2. a. canoe	b. florist	c. luggage	d. garden
3. a. water	b. sunbathe	c. tribal	d. prefer
4. a. departure	b. recognize	c. waterfall	d. institute
5. a. oceanic	b. botanical	c. destination	d. information

II. Choose the word or phrase that best completes each unfinished sentence below or substitutes for the underlined word or phrase.

6. Passengers _____ to Cairo, please go to Gate 4.

- a. fly
- b. flying
- c. will fly
- d. are going to fly

7. Do you mind _____ I leave early?

- a. if
- b. when
- c. that
- d. 0

8. The main _____ are corn and coffee.

- a. trees
- b. plants
- c. flowers
- d. crops

9. It's great _____ here!

- a. be

- b. to be
- c. been
- d. being

10. The taxi _____ us to the airport broke down.

- a. take
- b. takes
- c. taking
- d. taken

11. _____ is a place where a lot of people go on holiday.

- a. Island
- b. Beach
- c. Bay
- d. Resort

12. We are thinking of going to America.

- a. for
- b. to
- c. on
- d. about

13. _____ you mind drying the dishes?

- a. Would
- b. Should
- c. Could
- d. Ought

14. The house _____ on the hill started slipping.

- a. build
- b. builds
- c. building
- d. built

15. Passengers should check in at least one hour before _____ .

- a. depart
- b. departed
- c. department
- d. departure

Còn tiếp trong file tải

Phần IV. Bài tập trắc nghiệm Unit 11

I. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

1. a. p <u>a</u> ddy	b. s <u>a</u> nd	c. t <u>r</u> avel	d. t <u>r</u> ibal
2. a. buffal <u>o</u>	b. phot <u>o</u>	c. limest <u>o</u> ne	d. bot <u>o</u> anical
3. a. j <u>u</u> ngle	b. l <u>u</u> ggage	c. s <u>u</u> nbathe	d. s <u>u</u> gar
4. a. ar <u>o</u> und	b. vari <u>o</u> us	c. fam <u>o</u> us	d. m <u>o</u> untains
5. a. herit <u>a</u> ge	b. g <u>i</u> ant	c. g <u>a</u> rden	d. vill <u>a</u> ge

II. Choose the word or phrase that best completes each unfinished sentence below or substitutes for the underlined word or phrase.

6. The vase _____ on the shelf is very beautiful.

- a. stands
- b. standing
- c. is standing

- d. stood
7. Do you mind if I _____ your atlas for a minute?
- borrow
 - will borrow
 - am going to borrow
 - borrowed
8. Ann asked me not _____ anybody what happened.
- tell
 - telling
 - to tell
 - told
9. After _____ breakfast, I went out for a walk.
- finish
 - having finished
 - finished
 - had finished
10. _____ is a type of white or gray stone containing calcium, used for building and making cement.
- Slope
 - Limestone
 - Site
 - Sand
11. China has huge _____ and onshore oil reserves.
- seaside
 - remote
 - outside
 - offshore
12. Do you mind _____ here for just a minute?
- to wait
 - waiting
 - about waiting
 - waited
13. It was late, so we decided _____ a taxi home.
- take
 - to take
 - taking
 - took
14. The council should be able to help families who have no **accommodation**.
- a place to live
 - a place to watch sport matches
 - a place to buy meal and eat it
 - a place to work
15. He picked the phone - as soon as it rang
- on
 - up
 - in
 - off

Còn tiếp trong file tải

Phần V. Bài tập tự luận

I/ ODD ONE OUT.

1. A. corn B. import C. comfort D. resort
2. A. southern B. sunbathing C. breathe D. thunder

3. A. houses B. faces C. horses D. places
4. A. paddy B. paddle C. cave D. various
5. A. island B. rescue C. institute D. limestone
6. A. seat B. great C. seaside D. beach
7. A. sights B. flight C. villages D. tribes
8. A. seat B. sugar C. sight D. sand
9. A. looked B. suggested C. minded D. decided
10. A. stamps B. trains C. hotels D. caves

--	--	--	--	--	--	--	--	--

II/ COMBINE THE TWO SENTENCES, USING V-ing OR V-ed.

1. The girl is playing the piano. She is Mai.

2. The people are waiting for the bus in the rain. They are getting wet.

3. I live in a pleasant room. The room overlooks the garden.

4. Most of the goods are exported. The goods are made in this factory.

5. I come from a city. The city is located in the northern part of the country.

6. The ruler is made of plastic. It is nice.

7. The girl is talking to Phan. She is Australian.

8. The man was wanted by police. He is arrested now.

9. The dancers are dancing beautifully. They were trained in Russia.

10. The boy is swimming in the pool. He was the school champion last years.

11. The teacher is explaining the lesson. He is the youngest teacher in our school.

12. The watch is made of gold. It's 1000 dollars.

13. The boy is kicking the ball. He's An.

14. The cups are kept in the cupboard. They were bought five years ago.

15. The chair was broken yesterday. It is now rebuilt.

III/ CHOOSE THE SUITABLE WORDS OR PHRASES TO COMPLETE THE SENTENCES.

1. I can see a boy _____ a water buffalo.
A. ride B. riding C. to ride D. rode
2. It's _____ to travel around Vietnam.
A. interesting B. interested C. interestingly D. interestedly
3. Would you mind _____ the windows?
A. to close B. closing C. close D. closed
4. She cried _____ when she heard that news.
A. exciting B. excitingly C. excited D. excitedly

5. _____ you mind if I smoke?

A. Could B. Don't C. Do D. Would

6. My sister likes sweets _____ from chocolate.

A. making B. made C. to make D. make

7. This is the first time Sharron _____ rice paddies.

A. is seeing B. saw C. see D. has seen

8. There are flights daily to Ho Chi Minh City _____ Monday.

A. besides B. after C. except D. on

IV/ REWRITE THE SENTENCES, USING PASSIVE VOICE.

1. People break the glass into small pieces.

The glass _____

2. We do our homework everyday.

Our homework _____

3. The blow the liquid into intended shapes.

The liquid _____

4. People recycle car tires to make ripes and floor coverings.

Car tires _____

5. Nobody grows rice in desert.

Rice _____

6. People speak English all over the world.

English _____

7. He doesn't use this book very often.

This book _____

8. Everyday we throw away millions of kilos of waste paper.

Millions of kilos of waste paper _____

9. The instructor usually gives us homework.

We _____

10. Does your sister clean the floor everyday?

Is the floor _____

VI/ READ AND ANSWER THE QUESTIONS.

Vietnam is a country in the South – East Asia. It has an area of 329,566 sq.km. Hanoi is the capital and Ho Chi Minh City is the largest city. The population of Vietnam is about 80 million. It has age-old culture and long tradition of fighting against foreign invaders. Vietnam is now a member country of ASEAN and many other international originations such as APEC, WTO...

Vietnam exports rice, coffee and many other farm products. Vietnam has lots of tourist attractions and World Heritage Sites such as Ha Long Bay, Phong Nha Cave, Hoi An Ancient Town, My Son Sanctuary, etc. Vietnamese people are proud of their country. They have been trying hard to build into a power and prosperous one.

1. Where is Vietnam located?

2. What is the area of Vietnam?

3. What does Vietnam export?

4. Name some World Heritage Sites in Vietnam.

UNIT 12. A VACATION ABROAD

Kì nghỉ ở nước ngoài

- prison /'prɪzn/(n): nhà tù
- friendly /'frendli/(a): thân thiện
- carve /kɑ:v/ (v): khắc, chạm
- surprise /sə'praɪz/(n): sự ngạc nhiên
- hospitable /hɒ'spɪtəbl/(a): lòng hiếu khách
- mailman /'meɪlmæn/ (n): người đưa thư
- include /ɪn'klu:d/(v): bao gồm
- crowd /kraʊd/ (n): đám đông
- bother /'bɒðə(r)/ (v): làm phiền, bận tâm
- itinerary /aɪ'tɪnərəri/(n): lộ trình
- gallery /'gæləri/(n): phòng trưng bày
- brochure /'brɒʃə(r)/(n): tờ rơi, giới thiệu
- sightseeing /'saɪtsi:ɪŋ/(n): đi ngắm cảnh, tham quan
- double /'dʌbl/(n): đôi
- valley /'væli/(n): thung lũng
- wharf /wɔ:f/ (n): cầu tàu, cầu cảng
- volcano /vɒl'keɪnəʊ/ (n): núi lửa
- lava /'lɑ:və/(n): nham thạch

*** Học sinh copy từ vựng vào tập và học thuộc lòng.**